

UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN QUANG KHẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 107/QĐ-TQK

Tân Phú, ngày 21 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập
Năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI

Căn cứ Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 06/07/2011 của UBND Quận Tân Phú về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ công văn số 1880/UBND-VX ngày 09/6/2022 của UBND TP.Hồ Chí Minh về việc thực hiện chính sách cho hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 5346/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về việc giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 của trường Trung học cơ sở Trần Quang Khải, như sau:

- Học sinh được hỗ trợ lớp 6,7,8,9: 22 học sinh (Danh sách đính kèm).
- Tổng số tiền hỗ trợ: 28.350.000 đồng.
- Số tiền bằng chữ: Hai mươi tám triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Kế toán trường THCS Trần Quang Khải, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- KBNN;
- Như điều 3;
- Lưu (VT).



HIỆU TRƯỞNG
Huỳnh Thị Mỹ Hoà

**DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN TIỀN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
NĂM 2024-2025**

(Theo Quyết định số 107/QĐ-TQK ngày 21/4/2025 của trường THCS Trần Quang Khải)

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP			Ghi chú
			Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền	
1	Quách Bảo Long	6/4	150.000	9	1.350.000	27010000317 ngày 06/03/2023
2	Huỳnh Thuý Vy	6/6	150.000	9	1.350.000	08/HCM/TP/227 ngày 21/07/2019
3	Huỳnh Minh Trí	7/3	150.000	9	1.350.000	08/HCM/TP/257 ngày 06/10/2020
4	Đỗ Minh Đạt	7/4	150.000	9	1.350.000	08/HCM/TP/212 ngày 04/10/2018
5	Lê Văn Phúc Thịnh	7/5	150.000	9	1.350.000	27010000310 ngày 07/11/2022
6	Nguyễn Anh Tuấn	7/6	150.000	9	1.350.000	27010000300 ngày 12/09/2022
7	Nguyễn Thị Diễm Khanh	7/6	150.000	9	1.350.000	2701600071 ngày 02/02/2023
8	Lê Phước Thịnh	8/2	150.000	9	1.350.000	08/HCM/TP/082 ngày 11/12/2017
9	Nguyễn Thị Quỳnh Như	8/3	150.000	9	1.350.000	2701600023 ngày 03/06/2020
10	Trần Phước Đại	8/4	150.000	9	1.350.000	08/HCM/TP/287 ngày 18/05/2022
11	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8/5	150.000	9	1.350.000	08/HCM/TP/322 ngày 30/12/2021
12	Thái Ngọc Nhi	8/6	150.000	9	1.350.000	27010000305 ngày 03/10/2022
13	Trần Thị Thu Ngân	8/7	150.000	9	1.350.000	7976727022030 ngày 08/11/2022
14	Hoàng Minh Khôi	9/5	150.000	4	600.000	08/HCM/TP/176 ngày 20/11/2015
15	Trần Công Danh	9/7	150.000	9	1.350.000	08/HCM/TP/253 ngày 15/09/2020
16	Vũ Đông Hải	9/8	150.000	9	1.350.000	79767 27022 030 ngày 18/11/2022
17	Ngô Anh Kiệt	9/9	150.000	9	1.350.000	27010000323 ngày 19/04/2023
18	Phan Bảo Chân Như	6/3	150.000	5	750.000	27019000198 ngày 18/11/2024
19	Võ Trần Ý Nhi	7/6	150.000	9	1.350.000	Hộ thoát cân nghèo, mã số hộ 27010030126HKN
20	Trần Huỳnh Uyển My	7/7	150.000	9	1.350.000	Hộ thoát cân nghèo, mã số hộ 27013080140HTN
21	Nguyễn Anh Tuấn	9/6	150.000	9	1.350.000	Hộ nghèo, mã số hộ 27592060738HN
22	Phan Ngô Ngân An	9/9	150.000	9	1.350.000	Hộ thoát cân nghèo, mã số hộ 27010050136HKN
Tổng cộng					28.350.000	

Hai mươi tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.